TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-ST
Ngày 10/8/2021
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và bà Nguyễn Thị Mý

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N, địa chỉ: Số X, đường K, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Hoàng Tr, Phó Trưởng phòng quản lý nợ Ngân hàng N chi nhánh Bắc Gia Lai, địa chỉ: Số Y đường Ph, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Theo giấy ủy quyền lại số 99a/UQ-VCBGL ngày 11/01/2020). Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T và bà Thiều Thị M, địa chỉ: Thôn Th, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 11 tháng 01 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N, chi nhánh Bắc Gia Lai cho ông Nguyễn Văn T và bà Thiều Thị M vay theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 2942/19/CT/BGL ngày 18/12/2019, đã giải ngân cho ông T nhận tiền vay theo Giấy nhận nợ số

01/2942/19/CT/BGL ngày 18/12/2019 số tiền vay 300.000.000đ, thời hạn vay là 11 tháng, từ 18/12/2019 đến 18/11/2020; lãi suất cho vay cố định được ghi trên Giấy nhận nợ là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn. Từ ngày 28/7/2020 đến ngày 30/9/2020, Ngân hàng có giảm lãi hỗ trợ dịch Covid19 cho khách hàng với mức lãi suất là 8,55%/năm. Từ ngày 19/11/2020, bắt đầu tính lãi suất quá hạn (130% x 9,5%=) 12,35%/năm, từ ngày 14/7/2021 đến hết ngày 10/8/2021 giảm lãi quá hạn hỗ trợ dịch Covid19 (130% x 8,55%=) 11,05%.

Trong quá trình cho vay, ông Nguyễn Văn T và bà Thiều Thị M chỉ trả tổng tiền lãi 16.533.127đ. Tính đến kết thúc ngày 03/8/2021, ông Nguyễn Văn T và bà Thiều Thị M còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 300.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 8.390.709đ, lãi quá hạn là 26.610.822đ.

Tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho ông Nguyễn Văn T và bà Thiều Thị M có thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18/01A/NHNT ngày 18/01/2019, gồm quyền sử dụng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 12, được UBND huyện Ia Grai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 193094 ngày 05/9/2013 và tất cả tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của bà Cầm.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Thiều Thị M phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 300.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 8.390.709đ, lãi quá hạn là 26.610.822đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- *Ý kiến của bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Thiều Thị M*: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T và bà Thiều Thị M vắng mặt, không có ý kiến, yêu cầu, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ: Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 12 có vị trí thực tế tại thôn Th, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có trồng cây Điều, cây cà phê và 01 căn nhà nhưng đã hư hỏng. Tại thời điểm xem xét, thẩm định không có người sử dụng, không có tranh chấp.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đảm bảo, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ, Hợp đồng thế chấp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, văn bản xác nhận đăng ký giao dịch đảm bảo và các bảng kê số tiền lãi đã thu. Hợp đồng thế chấp được công chứng, dẫn chiếu để thực hiện nghĩa vụ đảm bảo của Hợp đồng tín dụng. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt, thông báo yêu cầu khởi kiện và những tài liệu, chứng cứ kèm theo không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định là đúng sự thật.

[3] Về yêu cầu trả nợ của Hợp đồng tín dụng

[4] Tại mục 2.2 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ thể hiện số tiền vay là 300.000.000đ, thời hạn cho vay từ 18/12/2019 đến 18/11/2020. Nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ tiền gốc là 300.000.000đ, đã trả tiền lãi 16.533.127đ. Bị đơn không có ý kiến phản đối và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do đó, có cơ sở xác định lời trình bày của nguyên đơn về số tiền gốc còn nợ và số tiền lãi đã trả là đúng.

[5] Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 19/12/2019 là tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 27/8/2020 với mức lãi suất 9,5%/năm là 17.334.247đ. Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 28/8/2020 đến ngày 30/9/2020 với mức lãi suất 8,55%/năm là 4.567.808đ. Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 18/12/2020 với mức lãi suất 9,5%/năm là 3.836.027đ. Tiền quá hạn tính từ ngày 19/11/2020 đến ngày 14/7/2020 với mức lãi suất quá hạn 12,35%/năm là 24.158.630đ. Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15/7/2021 đến hết ngày 10/8/2021 với mức lãi suất 11.05%/năm là 2.452.192đ. Tổng tiền lãi phải trả là 52.348.904đ, đã trả 16.533.127đ, còn phải trả 35.815.777đ.

[6] Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo thời hạn đã thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng nên có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc, nợ lãi theo đúng nội dung đã thỏa thuận, phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và quy định tại các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 300.000.000đ, tiền lãi 35.001.531, tổng cộng là 335.001.531đ.

[7] Tại Điều 3 Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay cố định, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn. Do đó, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng là 12,35%/năm. Việc hỗ trợ do ảnh hưởng dịch Covid19 sẽ được thực hiện theo quy định về việc giảm lãi cho khách hàng của Ngân hàng.

[8] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp

[9] Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận biện pháp bảo đảm theo hợp đồng thế chấp. Tại Điều 1, Điều 2, Điều 4 của Hợp đồng thế chấp, bị đơn thỏa thuận thế chấp tài sản là thửa đất số 54, tờ bản đồ số 12 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp khi xảy ra vi phạm. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ xác định thửa đất cùng tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bị đơn là người thế chấp tài sản, không có người nào khác tranh chấp.

[10] Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn đã thỏa thuận nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn có quyền xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với các thửa đất đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận và quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự.

[11] Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó, bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí đã nộp là 3.600.000đ theo quy định tại Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[12] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền là 16.750.077đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 299, 318 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Thiều Thị M trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), tiền lãi là 35.001.531đ (ba mươi lăm triệu không trăm lẻ một nghìn năm trăm ba mươi mốt đồng), tổng cộng là 335.001.531đ (ba trăm ba mươi lăm nghìn không trăm lẻ một nghìn năm trăm ba mươi mốt đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn T và bà Thiều Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 12,35%/năm.

1.2. Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nghĩa vụ trả nợ nêu trên, bao gồm:

Quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 12, được Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 193094 ngày 05/9/2013.

2. Ông Nguyễn Văn T và bà Thiều Thị M phải trả lại cho Ngân hàng N số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Ông Nguyễn Văn T và bà Thiều Thị M phải nộp 16.750.077đ (mười sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn không trăm bảy mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng N 7.511.665đ (bảy triệu năm trăm mười một nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0011856 ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên, đóng dấu)
Nguyễn Văn Huy